



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TỔNG CỤC THỦY LỢI

BÁO CÁO

CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN CÁC HỒ CHỨA NƯỚC



Tháng 10/2015

I. THỰC TRẠNG CÁC HỒ CHỨA NƯỚC

1. Số lượng hồ chứa

- Hiện cả nước đã đầu tư xây dựng được 6.886 hồ chứa nước trong đó có 6.648 hồ chứa thủy lợi (chiếm 96,5%) và 238 hồ chứa thủy điện (chiếm 3,5%) với tổng dung tích khoảng 63 tỷ m³ nước

Bảng tổng hợp và phân loại hồ chứa thủy lợi

Quy mô (Triệu m ³)	V ≥ 10	V = 3 ÷ 10, H ≥ 15m	V = 1 ÷ 3	V = 0,2 ÷ 1	V ≤ 0,2
Số lượng (hồ)	124	578	363	2.335	3.248

- Tổng số hồ chứa nước các tỉnh từ Nghệ An trở ra đến các tỉnh miền núi phía Bắc là 4.224 hồ chiếm 64% số hồ cả nước. Các tỉnh có nhiều hồ chứa là: Nghệ An 629 hồ, Thanh Hóa 610 hồ, Hòa Bình 513 hồ, Bắc Giang 422 hồ, Tuyên Quang 346 hồ.

I. THỰC TRẠNG CÁC HỒ CHỨA NƯỚC

2. Thực trạng an toàn

-Rà soát năm 2015, cả nước 1.150 hồ chứa cần phải sửa chữa nâng cấp trong giai đoạn 2016-2020. Trong đó, hồ có dung tích trên 10 triệu m³ có 21 hồ hư hỏng, 10 hồ thiếu khả năng xả; có 160 hồ chứa lớn bị hư hỏng, 35 hồ thiếu khả năng xả; hồ có dung tích từ 1 đến 3 triệu m³ có 134 hồ hư hỏng; hồ có dung tích từ 0,2 đến 1 triệu m³ có 580 hồ hư hỏng; hồ có dung tích dưới 0,2 triệu m³ có 210 hồ hư hỏng nặng.

- Ngoài ra, cả nước còn khoảng hơn 2.500 hồ chứa nhỏ có dung tích dưới 200.000 m³ khác nằm phân tán do thôn, xã quản lý không có tài liệu để đánh giá.

- Đánh giá mức độ an toàn của các hồ chứa nước, có khoảng 1300 hồ chứa được xây dựng sau năm 2000 và 633 hồ được sửa chữa, nâng cấp từ năm 2003 đến nay đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

- Các hồ chứa xây dựng trước năm 2000, thiết kế, thi công theo tiêu chuẩn cũ (TCVN5060-90), nhiều công trình xây dựng chưa được đầu tư đồng bộ, thiếu tài liệu tính toán, kinh nghiệm thiết kế, thi công đập còn hạn chế, sau thời gian khai thác vận hành đến nay nhiều hồ bị xuống cấp, tiềm ẩn các nguy cơ mất an toàn.

I. THỰC TRẠNG CÁC HỒ CHỨA NƯỚC

3. Một số sự cố vỡ đập

- Năm 2009: Xảy ra sự cố vỡ đập hồ Z20 tỉnh Hà Tĩnh (đây là hồ mới thi công xong chưa đưa vào khai thác sử dụng).
- Năm 2010: Vỡ đập hồ Khe Mơ, hồ Vàng Anh tỉnh Hà Tĩnh, hồ Phước Trung tỉnh Ninh Thuận (vỡ khi đang thi công); hồ Đội 4, hồ 36, tỉnh Đắk Lắk (mái hạ lưu bị sạt lở nặng, có nguy cơ vỡ).
- Năm 2011: Xảy ra vỡ đập hồ Khe Làng, hồ 271 tỉnh Nghệ An, hồ Đồi Vung có nguy cơ vỡ khi đang thi công cống lấy nước, tỉnh Hoà Bình.
- Năm 2012: Vỡ đập Tây Nguyên (mới sửa chữa xong chưa bàn giao khai thác sử dụng), thấm mạnh qua mang cống hồ Lim đe dọa vỡ đập.
- Năm 2013: Vỡ đập hồ Tây Nguyên (Lâm Đồng), vỡ đập hồ Thung Cối (Thanh Hóa), vỡ đập hồ Phân Lân (Vĩnh Phúc)...
- Năm 2014: Xảy ra sự cố vỡ đập phụ hồ chứa Đầm Hà Động, tỉnh Quảng Ninh; nguyên nhân do nước tràn qua đỉnh đập gây vỡ đập.

I. THỰC TRẠNG CÁC HỒ CHỨA NƯỚC

Một số hình ảnh đập vỡ ở Việt Nam:



Lanh Ra (Ninh Thuận)



Đập Tây Nguyên (Nghệ An)

I. THỰC TRẠNG CÁC HỒ CHỨA NƯỚC

Một số hình ảnh đập vỡ ở Việt Nam:



Đập Khe Mơ vỡ ngày 16/10/2010 (Hà Tĩnh)



Đập Z20 vỡ ngày 5/6/2009

I. THỰC TRẠNG CÁC HỒ CHỨA NƯỚC

Một số hình ảnh đập vỡ ở Việt Nam:



Đập Đắc Mek 3 vỡ 22/11/2012



Đập Iakrết vỡ 12/6/2013



Đập Phân Lân vỡ 5/8/2013 (Vĩnh Phúc)

I. THỰC TRẠNG CÁC HỒ CHỨA NƯỚC

Một số hình ảnh đập vỡ ở Việt Nam:



Ngày 30.10.2014 vỡ đập phụ Đàm Hà Động (Quảng Ninh)

I. THỰC TRẠNG CÁC HỒ CHỨA NƯỚC

Nguyên nhân các sự cố vỡ đập:

Nguyên nhân gây vỡ đập trong những năm qua chủ yếu do:

- Ảnh hưởng của mưa lũ: Các hồ chứa nước nhỏ được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế cũ, tràn xả lũ không bảo đảm khả năng thoát lũ, tài liệu tính toán không đầy đủ (tài liệu khí tượng, thủy văn, địa chất..)
 - Công trình xuống cấp: Sau thời gian dài khai thác sử dụng các kết cấu bị mục, nứt làm rò rỉ nước gây vỡ đập, Ngoài ra, do công nghệ thi công còn hạn chế, chất lượng đất đắp đập không bảo đảm, gây thấm qua thân đập, nền đập.
 - Chất lượng khảo sát, thiết kế, thi công công trình: Công trình xây dựng lâu, thiết kế, thi công không bảo đảm và đáp ứng yêu cầu.
 - Công tác quản lý hồ chứa: Hầu hết các hồ chứa nước nhỏ do cấp huyện, xã quản lý hầu hết đều thiếu cán bộ chuyên ngành thủy lợi, không đủ năng lực về quản lý vận hành bảo đảm an toàn hồ chứa. Thiếu các thiết bị hỗ trợ quan trắc đo, thăm dò dẫn đến không phát hiện được và kịp thời xử lý các hư hỏng.
- Cần lưu ý trong quá trình quản lý vận hành và sửa chữa nâng cấp đập.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ ATĐ

1. Kết quả thực hiện

Theo các quy định tại Nghị định 72/2007/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan, chủ đập phải thực hiện một số công việc chính để bảo đảm an toàn hồ chứa nước, kết quả kiểm tra việc thực hiện như bảng sau:

TT	Công việc thực hiện	Đập, hồ chứa thủy lợi			
		H>15m, V>3 triệu m ³		5m<H<15m, 50.000m ³ <V<3 triệu m ³	
	Tổng số công trình	702	%	5946	%
1	Đăng ký an toàn đập	702	100	4608	77,5
2	Quy trình vận hành hồ chứa	197	35,2	54	0,9
3	Quan trắc đập	560	80	85	1,4
4	Kiểm định an toàn đập	270	48,2	10	0,16
5	Xây dựng PA Phòng chống lụt bão, bảo đảm ATĐ	702	100	294	4,9
6	Xây dựng PA bảo vệ đập	175 (áp dụng hồ >5 triệu m ³)	100	Không bắt buộc lập	
7	Xây dựng Phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập.	34 hồ đã xây dựng		5	0,08
		Đang thực hiện 20 hồ			
8	Kiểm tra công trình trước mùa mưa, lũ hàng năm	702	100	4500	75

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ ATĐ

Nhìn chung, từ khi Nghị định 72/2007/NĐ-CP được ban hành, các địa phương đã quan tâm chỉ đạo các chủ đập thực hiện các nội dung trên. Một số nội dung được các chủ đập thực hiện tương đối tốt như kiểm tra hiện trạng công trình trước và sau mùa lũ, xây dựng phương án phòng chống lụt bão, xây dựng quy trình vận hành, điều tiết hồ chứa.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều chủ đập chưa thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý an toàn đập, việc thực hiện còn mang tính hình thức, trong đó có nguyên nhân khách quan mà chủ đập khó hoặc không thực hiện được như quy định về lập phương án phòng, chống lũ lụt cho vùng hạ du trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập thì chưa rõ trách nhiệm của chủ đập và cơ quan nhà nước trong việc thực hiện mà hạ du chịu ảnh hưởng bởi xả lũ của nhiều hồ chứa, hạ du thuộc địa bàn 2 tỉnh trở lên, chưa có bản đồ ngập lụt trên các lưu vực sông.

Các hồ chứa nhỏ do cấp huyện, xã quản lý, nguyên nhân cơ bản thực hiện chưa đầy đủ các nội dung về quản lý an toàn đập là do thiếu kinh phí, vượt quá khả năng chi trả của các chủ đập.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ ATĐ

2. Những khó khăn tồn tại

Kết quả kiểm tra thực tế tại một số đập, hồ chứa cho thấy việc thực hiện quản lý an toàn đập gặp một số khó khăn, bất cập chủ yếu sau:

- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, mưa lũ bất thường khiến lũ thượng nguồn về nhanh làm tăng bất thường mực nước trên các sông hồ, chưa được lường hết trong quy trình vận hành;
- Mạng lưới các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn trên các lưu vực sông còn thưa và năng lực cán bộ hạn chế, gây khó khăn cho công tác dự báo khí tượng thủy văn;
- Đối với các đập thủy lợi xây dựng trước năm 1990, hầu hết hồ sơ công trình phục vụ quản lý vận hành đã bị thất lạc;
- Hầu hết các hồ chứa nhỏ không có nhà quản lý vận hành, thiếu trang thiết bị quản lý hồ. Số lượng hồ chứa nhiều, rải rác ở nhiều vùng, nhiều nơi, nên công tác kiểm soát việc thực hiện quản lý an toàn đập chưa được thực hiện thường xuyên.

III. TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN HỒ CHỨA NƯỚC

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các địa phương hoàn thiện Chương trình bảo đảm an toàn hồ chứa nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Tờ trình số 5015/TTr-BNN-TCTL ngày 24/6/2015).

Bộ đã tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của các Bộ, Ngành liên quan, hoàn chỉnh Chương trình và dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình, gửi Văn phòng Chính phủ tại văn bản 8296/BNN-TCTL ngày 08/10/2015 với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu của Chương trình:

- Cải thiện an toàn hồ chứa và các công năng thiết kế của hồ chứa thông qua sửa chữa, nâng cấp, trang bị các thiết bị quan trắc, lập kế hoạch vận hành và bảo trì;
- Tăng cường thể chế về quản lý an toàn đập, hoàn thiện, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn; nâng cao năng lực quản lý lũ ở cấp lưu vực và cơ chế phối hợp vận hành hồ chứa thông qua cải thiện năng lực dự báo, xây dựng kế hoạch quản lý lũ lụt tổng hợp và đào tạo tăng cường năng lực.

2. Nội dung Chương trình: Chương trình gồm 2 Hợp phần: Hợp phần công trình và Hợp phần phi công trình.

a) Hợp phần công trình:

- Ưu tiên sửa chữa công trình đầu mối của 1.150 hồ chứa hư hỏng, xuống cấp hoặc thiếu khả năng xả lũ và từng bước nâng cấp hệ thống kênh mương; nâng mức bảo đảm an toàn theo tiêu chuẩn Quốc tế đối với các hồ chứa có dung tích từ 10 triệu m³ trở lên theo Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 13/2/2014 của Thủ tướng Chính phủ;
- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo thông qua đầu tư xây dựng lắp đặt hệ thống quan trắc, cảnh báo và giám sát hồ chứa, tích hợp vào cơ sở dữ liệu quản lý hồ chứa phục vụ hỗ trợ cho quản lý, vận hành.

III. TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN HỒ CHỨA NƯỚC

b) Hợp phần phi công trình:

- Hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý an toàn đập;
- Xây dựng cơ chế tài chính bền vững cho công tác quản lý – khai thác hồ đập;
- củng cố hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về an toàn đập từ Trung ương đến địa phương; xây dựng mô hình quản lý hồ đập phù hợp với các vùng, miền trên cả nước;
- Hoàn thiện, nâng cấp cơ sở dữ liệu tại cơ quan Trung ương; chuyển giao cơ sở dữ liệu cho các địa phương điều hành theo hình thức xây dựng Trung tâm quản lý an toàn hồ chứa gắn với cơ quan phòng, chống thiên tai của các tỉnh;
- Lập hoặc cập nhật, sửa đổi bổ sung quy trình vận hành hồ chứa; Ưu tiên lập Phương án bảo phòng chống lũ lụt hạ du trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập cho các hồ chứa lớn có dung tích trên 10 triệu m³ mà vùng hạ du tập trung đông dân cư và cơ sở hạ tầng quan trọng; xây dựng bản đồ ngập lụt và lập kế hoạch quản lý lũ tổng hợp cho các lưu vực sông;
- Đào tạo, nâng cao năng lực cho lực lượng quản lý hồ chứa từ Trung ương đến địa phương; tăng cường công tác khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế về an toàn đập;
- Tuyên truyền công tác bảo đảm an toàn đập đến người dân nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức, chủ động trong công tác quản lý an toàn đập và trong công tác phòng, chống thiên tai.

III. TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN HỒ CHỨA NƯỚC

3. Kinh phí thực hiện:

a) *Tổng kinh phí:* **21.131 tỷ đồng,**

Trong đó: nguồn vốn ODA: **9.337,5 tỷ (415 triệu USD)**, vốn trong nước: **11.794 tỷ đồng**
bao gồm:

- *Kinh phí thuộc Hợp phần công trình:* **20.481 tỷ đồng** (Vốn ODA (WB8): 9.055 tỷ đồng; NS TW: 5.960 tỷ đồng; NS địa phương: 5.466 tỷ đồng).
- *Kinh phí thuộc Hợp phần phi công trình:* **650 tỷ đồng** (ODA /WB8: 282 tỷ đồng; NS TW: 148 tỷ đồng; NS địa phương: 220 tỷ đồng).

Thời gian thực hiện Chương trình: Từ năm 2016 ÷ 2022.

Hiện nay Bộ đang trình Chính phủ triển khai dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” vay vốn Ngân hàng Thế giới (WB8). Dự án với mục tiêu hỗ trợ thực hiện Chương trình, theo tiến độ của dự án việc ký kết Hiệp định với Ngân hàng thế giới sẽ được thực hiện trong đầu tháng 11/2015. Tổng mức đầu tư của dự án là: 9.967.000 triệu đồng (443 triệu USD) trong đó: Vốn ODA: 9.337.000 triệu đồng; vốn đối ứng: 630.000 triệu đồng.

III. TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN HỒ CHỨA NƯỚC

b) Cơ chế huy động vốn:

- Hàng năm ngân sách Trung ương hỗ trợ 500 tỷ đồng từ vốn đầu tư phát triển cho các địa phương để sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các hồ chứa có nguy cơ mất an toàn;
- Khuyến khích sự tham gia của người dân, các thành phần kinh tế, các tổ chức trong và ngoài nước tham gia đầu tư sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn công trình;
- Lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn;
- Huy động tổ đa nguồn lực của các địa phương để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình;
- Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; doanh nghiệp được vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau đầu tư và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Huy động các nguồn vốn tín dụng, các khoản viện trợ quốc tế và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện Chương trình.

IV. KẾT LUẬN

Các địa phương một số nhiệm vụ cần ưu tiên thực hiện như sau:

- 1- Tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an toàn hồ chứa nước, đồng thời tổ chức đánh giá kết quả thực hiện trong năm 2015 tại Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 14/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ;
- 2- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình bảo đảm an toàn hồ chứa nước tại địa phương. Bố trí kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách địa phương để chi cho nhiệm vụ quản lý an toàn đập thuộc địa phương quản lý;
3. Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn đập cho các cơ quan quản lý chuyên ngành, Ủy ban nhân dân các cấp huyện, xã; XD cơ chế tài chính cho công tác duy tu bảo trì CTTL, quản lý có sự tham gia.
4. Tăng cường vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác quản lý đầu tư xây dựng các hồ chứa trên địa bàn, nhất là đối với các hồ đập nhỏ do chính quyền huyện, xã và doanh nghiệp tư nhân đầu tư;

IV. KẾT LUẬN

5- Tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc các chủ đập thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý an toàn đập;

6- Các Sở Nông nghiệp & PTNT kiểm tra đánh giá hiện trạng các hồ chứa nước trên địa bàn, sắp xếp thứ tự ưu tiên và xây dựng kế hoạch đầu tư, sửa chữa, nâng cấp. Triển khai thực hiện các dự án sửa chữa nâng cấp phải lựa chọn các đơn vị tư vấn thiết kế, thi công có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện đảm bảo chất lượng và an toàn công trình./.

.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN

